TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HSST
Ngày: 24/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: bà Đào Thị Quế;
ông Trần Đức Hoà;
- ***Thư ký phiên tòa***: ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa*:** ông Dương Thế Nam - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 82/2023/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2023/ QĐXXST – HS ngày 08 tháng 7 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1959 tại thành phố Hà Nội

Căn cước công dân số: 070059005231 cấp ngày 25/8/2022.

Nơi cư trú: Thôn B, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Vũ Thị L; vợ tên là: Đào Thị Th; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt)*

- *Người bị hại:* anh Trần Bình T, sinh năm 1978

Nơi cư trú: thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 14/01/2023, Nguyễn Văn T đi đến công trình xây dựng tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước do anh Trần Bình T làm chủ đề gặp chị Phạm Thị Nh (chị Phạm Thị Nh là bạn gái của Nguyễn Văn T). Khi đến nơi, không thấy chị Phạm Thị Nh, Nguyễn Văn T nghi ngờ chị Nguyễn Thị Nh có quan hệ tình cảm với anh Trần Bình T nên Nguyễn Văn T đi vào khu vực công trình lấy 01 con dao (rựa) chém, đập phá 01 lốp trước bánh xe và 01 bình xăng của xe ba gác

biển số: 48H1 – 15149 của anh Trần Văn T; 01 bồn nước inox loại 1500 lít và 01 máy cưa cầm tay. Tiếp theo, Trần Văn T lấy trộm 01 máy cắt sắt, 01 máy hàn, 01 máy cân bằng Laze, 02 máy mài cầm tay mang ra xe mô tô biển số 93H1 – 29171 của Nguyễn Văn T chở về nhà của mình tại thôn B, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Bình Phước cất giấu. Phát hiện tài sản bị hư hỏng, bị mất trộm anh Trần Bình T đã trình báo đến Công an xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Ngày 30/01/2023, Nguyễn Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B, tỉnh Bình Phước đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp lại toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 11/KL-ĐG ngày 17/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: tại thời điểm xảy ra tội phạm 01 máy cắt sắt có giá trị 1.900.000 đồng, 01 máy hàn có giá trị 1.700.000 đồng, 01 máy cân bằng Laze có giá trị 1.100.000 đồng, 01 máy mài cầm tay có giá trị 900.000 đồng, 01 máy mài cầm tay có giá trị 950.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 6.550.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 13/KL-ĐG ngày 24/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: tại thời điểm xảy ra tội phạm 01 bồn nước inox loại 1500 lít bị hư hỏng có giá trị 270.000 đồng, 01 máy cưa cầm tay bị hư hỏng có giá trị 400.000 đồng, 01 lốp trước bánh xe ba gác bị huỷ hoại có giá trị 450.000 đồng, 01 bình xăng xe ba gác bị huỷ hoại có giá trị 450.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 1.570.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã xử lý:

+ Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Bình T: 01 máy cắt sắt, 01 máy hàn, 01 máy cân bằng Laze, 02 máy mài cầm tay.

+ Xe mô tô biển số 93H1 – 29171, Nguyễn Văn T đã bán cho một người không rõ nhân thân, lý lịch không thu hồi được.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường 7.100.000 đồng, không yêu cầu gì them nên không đề cập.

Tại Cáo trạng số 86/CT –VKS ngày 21/6/2023, của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm Tội trộm cắp tài sản;

Về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Ngày 14/01/2023, Nguyễn Văn T đã lén lút trộm cắp 01 máy cắt sắt, 01 máy hàn, 01 máy cân bằng Laze, 02 máy mài cầm tay của anh Trần Bình T tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 11/KL-ĐG ngày 17/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: tại thời điểm xảy ra tội phạm 01 máy cắt sắt có giá trị 1.900.000 đồng, 01 máy hàn có giá trị 1.700.000 đồng, 01 máy cân bằng Laze có giá trị 1.100.000 đồng, 01 máy mài cầm tay có giá trị 900.000 đồng, 01 máy mài cầm tay có giá trị 950.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 6.550.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội nhưng gây

thiệt hại không lớn, bị cáo đã bồi thường và khắc phục hậu quả; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, người bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo là người cao tuổi (trên 60 tuổi). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Bị cáo Nguyễn Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Mặt khác, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo là phù hợp với mục đích của hình phạt, phù hợp với quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về vật chứng vụ án:

+ Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra – công an huyện B, tỉnh Bình Phước đã trả lại 01 máy cắt sắt, 01 máy hàn, 01 máy cân bằng Laze, 02 máy mài cầm tay cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Bình T là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự nên không xem xét giải quyết.

+ Xe mô tô biển số 93H1 – 29171, Nguyễn Văn T đã bán cho một người không rõ nhân thân, lý lịch không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 7.100.000 đồng, bị hại không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự nên không xem xét giải quyết.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo là người trên 60 tuổi đã hết tuổi lao động nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về các vấn đề khác:

[8.1] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8.2] Đối với hành vi cố ý làm hư hỏng và huỷ hoại tài sản của người khác, giá trị tài sản bị hư hỏng, huỷ hoại chưa đủ 2.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn T chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và cũng chưa bị kết án về một trong các hành vi quy định tại Điều 178 của Bộ luật Hình sự nên không cấu thành tội phạm. Công an huyện B, tỉnh Bình Phước đã ra quyết định xử lý hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm Tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 01 (năm) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/7/2023).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T về Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Ph, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước.
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CQ CSĐT Công an huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- cổng thông tin điện tử Toà án;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh